

Số: 282/QĐ-CVHHQT

Quảng Trị, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG TRỊ

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải và các Nghị định sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Thông tư số 18/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 51/2025/TT-BXD ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng về công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 1346/QĐ-BXD ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Bộ Xây dựng về việc thành lập Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị trực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 4463/CHHĐTVN-PC ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về việc phê duyệt Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị”.

Điều 2.

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/7/2026.
- Bãi bỏ Quyết định số 25/QĐ-CVHHQB ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quảng Bình về việc ban hành Nội quy cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình, Quyết định số 28/QĐ-CVHHQT ngày 23 tháng

02 năm 2018 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị ban hành Nội quy cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị và các quy định trước đây của Cảng vụ Hàng hải Quảng Bình, Quảng Trị liên quan đến hoạt động hàng hải tại cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình, tỉnh Quảng Trị trái với Nội quy này.

3. Trường hợp các quy định của pháp luật liên quan được nêu tại Nội quy được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, các tổ chức và cá nhân liên quan áp dụng theo quy định mới của pháp luật.

Điều 3. Trưởng các phòng: Quản lý kết cấu hạ tầng, An toàn an ninh hàng hải, Tổ chức hành chính, Tài chính kế toán; Trưởng các Đại diện: Hòn La, Cửa Gianh, Cồn Cỏ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (b/c);
- UBND tỉnh Quảng Trị (b/c);
- Sở XD tỉnh Quảng Trị;
- Sở NN&MT tỉnh Quảng Trị;
- BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Trị;
- Chi cục Hải quan khu vực IX;
- Trung tâm KSBT tỉnh Quảng Trị;
- Hải đội 202 BTL Vùng 2 CSB;
- Các Phó Giám đốc;
- Các Phòng, Đại diện;
- Lưu: VT, QLKCHT.

Q. GIÁM ĐỐC



Phan Phùng Hải

NỘI QUY CẢNG BIỂN THUỘC KHU VỰC QUẢN LÝ CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG TRỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 282/QĐ-CVHHQT ngày 30 tháng 6 năm
2026 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nội quy cảng biển này bao gồm các quy định về tàu thuyền, công trình hàng hải, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường và các hoạt động khác liên quan đến hoạt động hàng hải tại vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị trên cơ sở theo quy định Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ, các Nghị định sửa đổi, bổ sung (sau đây gọi tắt là Nghị định số 58/2017/NĐ-CP), các quy định pháp luật khác có liên quan và điều kiện thực tế hoạt động hàng hải tại khu vực.

2. Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi tắt là "vùng nước cảng biển") được quy định tại Thông tư số 51/2025/TT-BXD ngày 22/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị, bao gồm 04 khu vực hàng hải: khu vực Hòn La, Cửa Gianh, Cửa Việt và Mỹ Thủy.

Thông tin chung về vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị tại Phụ lục I kèm theo Nội quy cảng biển này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nội quy cảng biển này được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài hoạt động hàng hải trong vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị.

2. Ngoài các quy định chuyên ngành, các quy định về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại Nội quy cảng biển này cũng được áp dụng đối với cảng cá, cảng, bến thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Cơ quan thực quản lý nhà nước về hàng hải tại cảng biển và các cơ quan quản lý chuyên ngành tại cảng biển

1. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải tại cảng biển Quảng Trị là Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Cảng vụ) có trụ sở chính và các đại diện như sau:

a) Trụ sở chính Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị:

- Địa chỉ: Xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị

- Điện thoại: 0233.3824.292

- Thư điện tử: cangvuhanghaiquangtri@gmail.com

- Cổng thông tin điện tử: <http://cangvuhanghaiquangtri.gov.vn/>

b) Đại diện Hòn La:

- Địa chỉ: Xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị

- Điện thoại: 0232.3599.070

- Thư điện tử: daidienhonla2025@gmail.com

c) Đại diện Cửa Gianh:

- Địa chỉ: Xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị

- Điện thoại: 0232.386.6216

- Thư điện tử: cvcuagianh@gmail.com

d) Đại diện Cồn Cỏ:

- Địa chỉ: Đặc khu Cồn Cỏ, tỉnh Quảng Trị

- Điện thoại: 0233.3689.242

- Thư điện tử: daidienconco@gmail.com

2. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển bao gồm: Hải quan, Biên phòng, Kiểm dịch y tế, Kiểm dịch động vật và Kiểm dịch thực vật.

Thông tin cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển Quảng Trị tại Phụ lục II kèm theo Nội quy cảng biển này.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 THÔNG TIN LIÊN LẠC TẠI CẢNG BIỂN

Điều 4. Thông tin liên lạc

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài thực hiện việc thông tin liên lạc với Cảng vụ qua địa chỉ, điện thoại, thư điện tử theo quy định tại Điều 3 của Nội quy này.

2. Việc sử dụng VHF thực hiện theo quy định dưới đây:

a) Kênh trực canh VHF: 16;

b) Kênh làm việc VHF: 12, 14 hoặc các kênh được chỉ định khác.

3. Ngôn ngữ sử dụng trên VHF khi liên lạc, làm việc là tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

4. Trong trường hợp cần thiết, tàu thuyền có thể liên lạc qua Đài thông tin duyên hải khu vực trên kênh 16 VHF.

5. Tên, hô hiệu (nếu có) của tàu thuyền, tổ chức và cá nhân chỉ được nêu không quá ba lần trong một lần gọi hoặc trả lời. Trên kênh trực canh, việc gọi và trả lời phải được tiến hành nhanh chóng và chuyển sang kênh làm việc ngay sau khi đã liên lạc được với nhau.

6. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền không được làm ảnh hưởng đến thông tin liên lạc của Cảng vụ trên kênh 12, 14, 16 VHF. Nghiêm cấm tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển sử dụng kênh 12, 14, 16 VHF vào mục đích riêng.

Mục 2

THỦ TỤC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN

Điều 5. Yêu cầu chung đối với tàu thuyền đến, rời cảng và hoạt động tại cảng biển

1. Tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại cảng biển phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Hàng hải Việt Nam; Mục 1 Chương IV; Mục 1 và Mục 2 Chương V của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này, tàu thuyền đến cảng biển phải có chiều dài, trọng tải, mớn nước, chiều cao tính không và các thông số kỹ thuật liên quan khác phù hợp với điều kiện cho phép của luồng hàng hải, cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, khu chuyển tải đã được cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định.

Điều 6. Thông báo, xác báo tàu thuyền đến, rời cảng biển; xác báo thông tin điều động tàu thuyền

1. Việc thông báo, xác báo tàu thuyền đến, rời cảng biển thực hiện theo quy định tại các Điều 87, Điều 88 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Việc điều động tàu thuyền neo đậu, di chuyển vị trí, cập cầu, cập mạn hoặc tiến hành các hoạt động tương tự khác trong cảng biển và luồng hàng hải theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Trước thời điểm bắt đầu điều động và ngay sau khi kết thúc điều động, thuyền trưởng phải xác báo việc thực hiện lệnh điều động cho Cảng vụ hàng hải.

Điều 7. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, đến, rời cảng biển

1. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, đến, rời cảng biển; quá cảnh thực hiện theo quy định tại các Mục 2, Mục 3, Mục 4 và Mục 5 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Quy định miễn, giảm thủ tục tàu thuyền vào, rời cảng biển đối với các trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 74 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Địa điểm làm thủ tục tàu thuyền:

a) Đối với tàu thuyền vào, rời cảng, bến thuộc khu vực Cửa Việt: Tại trụ sở Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị;

b) Đối với tàu thuyền vào, rời cảng, bến thuộc khu vực Hòn La: Tại Đại diện Hòn La;

c) Đối với tàu thuyền vào, rời cảng, bến thuộc khu vực Cửa Gianh: Tại Đại diện Cửa Gianh;

d) Đối với tàu thuyền vào, rời cảng, bến thuộc khu vực đảo Cồn Cỏ: Tại Đại diện Cồn Cỏ;

đ) Đối với tàu thuyền vào, rời cảng, bến thuộc khu vực Mỹ Thủy: Tại khu vực Mỹ Thủy;

e) Trường hợp làm thủ tục tại tàu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 77 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

4. Thời gian giải quyết thủ tục tàu thuyền:

Thực hiện theo quy định tại Điều 76 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 33 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP. Thời gian làm thủ tục 24/24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần tại địa điểm làm thủ tục quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Hình thức thực hiện:

a) Bằng hình thức điện tử trên cổng thông tin một cửa quốc gia theo địa chỉ: <https://vnsw.gov.vn/>;

b) Bằng hình thức bưu chính gửi đến địa điểm làm thủ tục tàu thuyền;

c) Bằng hình thức trực tiếp tại địa điểm làm thủ tục tàu thuyền;

d) Bằng các hình thức phù hợp khác theo quy định.

Điều 8. Thủ tục đối với các hoạt động hàng hải khác tại cảng biển

1. Thủ tục phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP; Điều 27 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Thủ tục chấp thuận tiến hành các hoạt động lặn hoặc các công việc ngầm dưới nước thực hiện theo quy định tại khoản 26 và khoản 43 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Thủ tục tàu thuyền thi công công trình hàng hải, nạo vét luồng, khai thác cát hoặc cần cầu nổi và các thiết bị công trình khác thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; khoản 43 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

4. Thủ tục phê duyệt phương án cho tàu thuyền neo chờ thực hiện theo quy định tại Điều 66 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

5. Thủ tục sửa chữa, vệ sinh tàu thuyền thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 113, điểm e khoản 2 Điều 62 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; khoản 26 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

6. Thủ tục công bố thông báo hàng hải về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; khoản 17 và khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

7. Thủ tục công bố Thông báo hàng hải về hoạt động của báo hiệu hàng hải, bao gồm:

a) Thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 44 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Thông báo hàng hải về thay đổi đặc tính hoạt động của báo hiệu hàng hải theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 44 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan;

c) Thông báo hàng hải về tạm ngừng hoạt động của báo hiệu hàng hải theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 44 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan;

d) Thông báo hàng hải về phục hồi hoạt động của báo hiệu hàng hải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 44 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và

Khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

đ) Thông báo hàng hải về chấm dứt hoạt động của báo hiệu hàng hải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 44 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

8. Thủ tục công bố thông báo hàng hải về chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

9. Thủ tục công bố thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển hoặc trên luồng hàng hải theo quy định tại khoản 4 Điều 44 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

10. Thủ tục công bố thông báo hàng hải về phân luồng giao thông hàng hải hoặc hạn chế lưu thông, tạm ngừng hoạt động của luồng hàng hải theo quy định tại khoản 6 Điều 44 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

11. Thủ tục công bố thông báo hàng hải về các thông tin truyền phát lại, thông tin chỉ dẫn hàng hải liên quan đến hoạt động hàng hải theo quy định tại khoản 8 Điều 44 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

12. Thủ tục xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải thực hiện theo quy định tại Thông tư số 30/2016/TT-BGTVT ngày 28/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải và các quy định pháp luật khác có liên quan.

13. Thủ tục thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển và Thông tư số 03/2024/TT-BGTVT ngày 21/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và các quy định pháp luật khác có liên quan.

14. Thủ tục phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam; Điều 5 của Nghị định số 69/2022/NĐ-CP và Điều 72 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

15. Thủ tục cấp giấy phép vận tải nội địa cho tàu biển nước ngoài đối với trường hợp vận chuyên hành khách, hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền

được thực hiện theo quy định tại Thông tư 50/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 08/2022/TT-BGTVT ngày 16/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải và các quy định pháp luật khác có liên quan.

16. Địa điểm làm thủ tục: Thực hiện tại Trụ sở Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị, riêng thủ tục được quy định tại Khoản 14 Điều này có thể thực hiện tại các Đại diện Hòn La, Cửa Gianh và Cồn Cỏ.

17. Hình thức thực hiện:

- a) Bằng hình thức điện tử trên cổng thông tin dịch vụ công quốc gia theo địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>;
- b) Bằng hình thức bưu chính gửi đến địa điểm làm thủ tục;
- c) Bằng hình thức trực tiếp tại địa điểm làm thủ tục;
- d) Bằng các hình thức phù hợp khác theo quy định.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN

Điều 9. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải

1. Tàu thuyền chỉ được phép neo đậu, di chuyển vị trí, cập cầu, cập mạn hoặc tiến hành các hoạt động tương tự khác trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải khi có Lệnh điều động hoặc sự chấp thuận của Giám đốc Cảng vụ hàng hải.

2. Thuyền trưởng và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện chính xác, kịp thời và đầy đủ Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ. Trường hợp không thể thực hiện theo Lệnh điều động, phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết để xử lý.

3. Kế hoạch điều động tàu thuyền hàng ngày của Cảng vụ đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị.

Điều 10. Hành trình của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

Tàu thuyền khi hành trình trong vùng nước cảng biển Quảng Trị phải tuân thủ quy định tại Điều 62 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và Thông tư số 19/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định việc áp dụng Quy tắc quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển, các quy định khác có liên quan của pháp luật và theo sự hướng dẫn của Cảng vụ.

1. Tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển phải chấp hành chính xác, kịp thời lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ, tuân thủ quy định hành trình trên luồng một chiều và chịu sự giám sát của Cảng vụ.

2. Tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển phải giữ khoảng cách và tốc độ an toàn và phù hợp với điều kiện thực tế như mật độ giao thông, tầm nhìn xa, độ sâu thực tế của luồng hàng hải, điều kiện khí tượng thủy văn và trạng thái gần các chướng ngại hàng hải, ảnh hưởng của sóng do tàu tạo ra đối với các tàu thuyền khác đang neo đậu, phương tiện thủy nội địa nhỏ và tàu cá đang hành trình.

3. Trừ trường hợp điều động để tránh nguy cơ đâm va trước mắt, tàu thuyền hành trình trên luồng phải tuân thủ theo hướng dẫn của Cảng vụ như sau:

a) Trên các luồng hàng hải thuộc khu vực hàng hải Hòn La và Mỹ Thủy không được vượt quá 8,0 hải lý/giờ;

b) Trên các luồng hàng hải thuộc khu vực hàng hải Cửa Gianh và Cửa Việt không được vượt quá 5,0 hải lý/giờ. Việc hạn chế tốc độ quy định tại khoản này không áp dụng đối với các tàu thuyền: công vụ, cứu hỏa, cứu nạn khi đang làm nhiệm vụ và các trường hợp khẩn cấp khác.

4. Khi hành trình đi qua các khu vực đang có hoạt động ngầm dưới nước, thi công công trình, nạo vét luồng, thả phao tiêu, trục vớt, cứu hộ, xếp dỡ, chuyển tải hàng hoá, neo đậu và khu vực điều động của các tàu thuyền khác, tàu thuyền không được đi thành hàng ngang, phải đi theo hàng một, khoảng cách an toàn.

5. Không được tự ý neo đậu, rê neo, kéo neo ngầm dưới nước hoặc dừng lại trên luồng, đường ống và công trình ngầm dưới nước, phía dưới đường dây điện cao thế, cầu qua sông, gần báo hiệu hàng hải hay các khu vực hạn chế khác, trừ trường hợp tàu thuyền bị tai nạn, sự cố. Trong trường hợp này, thuyền trưởng phải áp dụng mọi biện pháp phù hợp nhằm bảo đảm an toàn của tàu mình và các tàu thuyền khác, đồng thời nhanh chóng áp dụng biện pháp phù hợp để đưa tàu thuyền đến vị trí neo đậu an toàn.

6. Tàu thuyền đi cắt ngang luồng phải có trách nhiệm nhường đường cho các tàu thuyền khác hoạt động trên luồng.

7. Tàu thuyền trước khi điều động di chuyển thay đổi vị trí neo đậu, cần cầu, cầu thang lên xuống và các thiết bị khác phải đưa vào giá đỡ và chằng buộc bảo đảm an toàn.

8. Tàu thuyền không được phép vượt qua hay đi vào vùng quay trở khi có tàu thuyền khác đang quay trở, nếu hành động đó làm ảnh hưởng tới quá trình quay trở của tàu thuyền khác.

9. Tàu thuyền đang tiến hành quay trở phải tăng cường cảnh giới, sử dụng các phương tiện thích hợp để cảnh báo cho các tàu thuyền khác đang đến gần.

biết về tình trạng hiện tại, cũng như dự kiến điều động của tàu mình ngay từ khi những tàu thuyền đó ở khoảng cách an toàn.

10. Trường hợp điều kiện thực tế cho phép, tàu thuyền có thể điều động quay trở tại chỗ để rời, cập cầu, bến phao hoặc rời, cập mạn tàu khác nếu bảo đảm an toàn và không ảnh hưởng tới hành trình, neo đậu của tàu thuyền khác.

11. Trong trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu, nghiêm cấm tàu thuyền đi vào vệt dầu loang; phải giảm tốc độ tới mức thấp nhất khi đi ngang qua hoặc gần khu vực đang tiến hành xử lý sự cố tràn dầu và tuân thủ nghiêm ngặt hướng dẫn của Cảng vụ.

12. Tuân theo chỉ dẫn của báo hiệu hàng hải và giữ liên lạc với Cảng vụ để được hỗ trợ, cung cấp thông tin bảo đảm an toàn hàng hải. Thường xuyên duy trì hoạt động của thiết bị nhận dạng tự động (AIS) đồng thời cập nhật đầy đủ các thông tin trên thiết bị AIS như: MMSI, Hồ hiệu, Tên tàu, số IMO, chiều dài, chiều rộng, loại tàu, môn nước thực tế, cảng đích, hàng hóa nguy hiểm.

Điều 11. Yêu cầu đối với tàu thuyền neo đậu

1. Tàu thuyền khi neo đậu trong vùng nước cảng biển Quảng Trị phải chấp hành quy định tại các Điều: 62, 65, 66 và 69 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; Khoản 26 và Khoản 30 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Khi tàu thuyền cần thay đổi vị trí neo đã được chỉ định, thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết rõ lý do và chỉ khi có sự chấp thuận mới được tiến hành điều động tàu đến vị trí neo mới theo chỉ định, trừ trường hợp để tránh nguy cơ đâm va trước mắt.

Điều 12. Cập mạn của tàu thuyền

Việc cập cầu, cập mạn của tàu thuyền tại cảng biển được thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP.

Điều 13. Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách

1. Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 110 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Hoạt động của du thuyền thực hiện theo quy định tại Bộ luật Hàng hải, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ, Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

Điều 14. Hoạt động của tàu thuyền trên các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo

1. Hoạt động vận tải thủy từ bờ ra đảo được giao quản lý theo quy định tại Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30/7/2013 của Bộ trưởng Giao thông

vận tải về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 24/2022/TT-BGTVT ngày 13/10/2022 và Thông tư số 10/2024/TT-BGTVT ngày 10/4/2024 Bộ trưởng Giao thông vận tải và các quy định khác có liên quan.

2. Các tàu thuyền hoạt động tuyến vận tải thủy từ Cửa Việt ra đảo Cồn Cỏ và ngược lại thực hiện một số nội dung sau:

a) Thông báo kế hoạch chạy tàu cho Cảng vụ để lập kế hoạch đến, rời cảng biển;

b) Thực hiện báo cáo và duy trì hoạt động của thiết bị nhận dạng tự động (AIS), trực canh VHF kênh 16 để được hướng dẫn.

3. Các phương tiện hoạt động tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo phải đáp ứng đầy đủ và thực hiện các biện pháp đảm bảo cho hành khách và phương tiện; hành trình đúng tuyến đã được công bố. Kịp thời thông báo cho Cảng vụ và các đơn vị liên quan khi tàu gặp sự cố, tai nạn.

Điều 15. Hoạt động xây dựng, thi công kết cấu hạ tầng cảng biển và các công trình trong vùng nước cảng biển

1. Trước khi thực hiện thi công nạo vét, xây dựng, các công trình bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước hoặc các công trình hàng hải khác tại cảng biển, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 69/2022/NĐ-CP và Nghị định số 34/2025/NĐ-CP; khoản 4 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP; Điều 26, 27 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Phương tiện tham gia vận chuyển chất nạo vét trong thi công nạo vét phải lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét theo quy định tại Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/4/2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

3. Trong quá trình thực hiện, kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh đến các bên có liên quan để cùng phối hợp giải quyết và chấp hành nghiêm chỉnh những hướng dẫn của Cảng vụ.

Mục 4 DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 16. Yêu cầu đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Dịch vụ hoa tiêu hàng hải hoạt động trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Chương XI của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và Mục 6 Chương IV của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định có liên quan khác của pháp luật.

Điều 17. Lập kế hoạch, thông báo, xác báo kế hoạch dẫn tàu

1. Tổ chức hoa tiêu hàng hải có trách nhiệm lập và gửi kế hoạch dẫn tàu hàng ngày theo quy định tại Điều 103 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Trường hợp có yêu cầu phát sinh thay đổi về thời gian dẫn tàu hoặc yêu cầu phát sinh về dẫn tàu, tổ chức hoa tiêu phải gửi kế hoạch dẫn tàu (bổ sung) kịp thời cho Cảng vụ để bổ sung kế hoạch điều động tàu thuyền hàng ngày.

3. Trường hợp có yêu cầu đột xuất làm thay đổi thời gian dẫn tàu theo kế hoạch, tổ chức hoa tiêu hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải thông báo ngay cho Cảng vụ và gửi kế hoạch bổ sung cho Cảng vụ thông qua các phương thức thông tin phù hợp để điều chỉnh kế hoạch dẫn tàu kịp thời.

Điều 18. Yêu cầu khi đón, trả hoa tiêu

Tàu thuyền khi đến gần tàu hoa tiêu để đón hoặc trả hoa tiêu phải giảm tốc độ đến mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo an toàn, giữ liên lạc với phương tiện đưa, đón hoa tiêu trên kênh VHF được chỉ định và bố trí thang hoa tiêu theo quy định ở mạn dưới gió hoặc theo yêu cầu của hoa tiêu dẫn tàu để hoa tiêu lên, rời tàu an toàn. Thang hoa tiêu phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, được chiếu sáng vào ban đêm, bố trí người trực và trang thiết bị cứu sinh theo quy định.

Điều 19. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu

1. Hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015, Điều 104 và 105 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trong trường hợp từ chối dẫn tàu thuyền vì bất kỳ lý do gì, Hoa tiêu trực tiếp dẫn tàu thuyền phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết về việc không thể thực hiện việc dẫn tàu thuyền theo kế hoạch điều động của Cảng vụ.

Điều 20. Trách nhiệm, nghĩa vụ của thuyền trưởng khi tự dẫn tàu

Trong trường hợp được phép tự dẫn tàu theo quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 247 của Bộ luật hàng hải Việt Nam; khoản 2 Điều 104 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, trước khi điều động tàu thuyền trong vùng hoa tiêu bắt buộc, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ biết về việc tự dẫn tàu thuyền và phải xuất trình Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải đã được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm phối hợp giữa hoa tiêu, thuyền trưởng, tàu lai dắt hỗ trợ và doanh nghiệp cảng

Trước khi điều động tàu thuyền vào, rời cầu cảng, khu chuyển tải, khu neo đậu thuyền trưởng hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải có trách nhiệm liên lạc với doanh nghiệp quản lý, khai thác cảng, vùng neo đậu, khu chuyển tải và thuyền

trường tàu lai (đối với tàu sử dụng tàu lai hỗ trợ) để kiểm tra tính sẵn sàng của tàu lai, cầu cảng, khu chuyên tải, khu neo đậu và thống nhất kế hoạch điều động. Trong trường hợp tàu lai, cầu cảng, khu chuyên tải, khu neo đậu, công nhân buộc cởi dây chưa sẵn sàng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu dẫn tàu thuyền phải thông báo ngay cho Cảng vụ để có biện pháp xử lý kịp thời.

Mục 5

LAI DẮT HỖ TRỢ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN

Điều 22. Sử dụng tàu lai dặt hỗ trợ

1. Việc sử dụng tàu lai hỗ trợ trong vùng nước cảng biển theo quy định tại Chương XII của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và Điều 64 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 27 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP.

2. Chiều dài tàu thuyền quy định tại Điều này là chiều dài lớn nhất của tàu thuyền tính bằng đơn vị mét. Đối với đoàn lai đẩy, chiều dài được tính bằng tổng chiều dài đoàn bị lai và tàu lai đẩy.

3. Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 80 mét trở lên khi điều động cập hoặc rời cầu cảng, bến phao; cập mạn tàu thuyền khác và quay trở, di chuyển vị trí trong vùng nước cảng biển Quảng Trị phải sử dụng tàu lai hỗ trợ theo quy định dưới đây:

3.1. Tại khu vực hàng hải Hòn La và khu vực hàng hải Mỹ Thủy:

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 80m đến dưới 100m: Có ít nhất 01 tàu lai hỗ trợ với công suất máy chính tối thiểu 500 HP;

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 100m đến dưới 120m: Có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính tối thiểu 1.500 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất máy chính tối thiểu 500 HP;

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 120m đến dưới 140m: Có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính tối thiểu 2.000 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất máy chính tối thiểu 800 HP;

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 140m đến dưới 170m: Có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính tối thiểu 2.700 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất máy chính tối thiểu 900 HP;

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 170m đến dưới 190m: Có ít nhất 03 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính tối thiểu là 4.700 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất máy chính tối thiểu 950 HP;

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 190m đến dưới 220m: Có ít nhất 03 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính tối thiểu 7.000 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất máy chính tối thiểu 1.400 HP;

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 220m đến dưới 250m: Có ít nhất 03 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính tối thiểu 8.000 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất máy chính tối thiểu 1.700 HP;

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 250m trở lên: Có ít nhất 03 tàu lai với tổng công suất máy chính tối thiểu 12.000 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất máy chính tối thiểu 2.500 HP.

3.2. Tại khu vực hàng hải Cửa Gianh và khu vực hàng hải Cửa Việt:

a) Tại cầu cảng, bến cảng:

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 80m đến dưới 100m: Có ít nhất 01 tàu lai hỗ trợ với công suất máy chính tối thiểu 500 HP;

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 100m đến dưới 120m: Có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 500 HP hoặc 01 tàu lai hỗ trợ có công suất máy chính tối thiểu 950 HP;

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ trên 120m đến 140m: Có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 800 HP.

b) Tại bến phao:

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 80m đến dưới 100m: Có ít nhất 01 tàu lai hỗ trợ với công suất máy chính tối thiểu 500 HP;

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 100m đến dưới 120m: Có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 500 HP hoặc 01 tàu lai hỗ trợ có công suất máy chính tối thiểu 1.000 HP;

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 120m đến dưới 140m: Có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính tối thiểu 1.500 HP, trong đó mỗi tàu lai có công suất máy chính tối thiểu theo thứ tự 1.000 HP và 500 HP;

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 140m đến dưới 160m: Có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính tối thiểu 2.500 HP, trong đó mỗi tàu lai có công suất máy chính tối thiểu theo thứ tự 1.500 HP và 1.000 HP;

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 160m đến dưới 180m: Có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính tối thiểu 3.500 HP, trong đó mỗi tàu lai có công suất máy chính tối thiểu theo thứ tự 2.000 HP và 1.500 HP;

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 180m đến dưới 200m: Có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính tối thiểu 4.500 HP, trong đó mỗi tàu lai có công suất máy chính tối thiểu theo thứ tự 2.500 HP và 2.000 HP;

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 200m đến dưới 220m: Có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính tối thiểu 5.500 HP, trong đó mỗi tàu lai có công suất máy chính tối thiểu theo thứ tự 3.000 HP và 2.500 HP;

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 220m đến dưới 240m: Có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính tối thiểu 6.500 HP, trong đó mỗi tàu lai có công suất máy chính tối thiểu theo thứ tự 3.500 HP và 3.000 HP;

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 240m đến dưới 260m: Có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính tối thiểu 7.500 HP, trong đó mỗi tàu lai có công suất máy chính tối thiểu theo thứ tự 4.500 HP và 3.000 HP.

4. Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất LOA từ 80 mét trở lên khi điều động vào, rời khu chuyển tải phải sử dụng ít nhất 01 tàu lai hỗ trợ có công suất máy chính tối thiểu 500 HP.

Điều 23. Miễn giảm và tăng cường tàu lai dắt hỗ trợ

1. Giám đốc Cảng vụ xem xét giảm số lượng, công suất tàu lai trên cơ sở tính năng của thiết bị hỗ trợ, kiến nghị của thuyền trưởng, tổ chức hoa tiêu hàng hải và các điều kiện thực tế khác trong các trường hợp cụ thể như sau:

a) Trong điều kiện khí tượng thủy văn ở trạng thái bình thường (gió từ cấp 5 trở xuống theo thang sức gió beaufort), tàu không bị hạn chế bởi mớn nước hoặc chiều cao mạn đặc biệt, những tàu phải sử dụng từ hai tàu lai trở lên có công suất khác nhau thì được miễn giảm một tàu lai có công suất nhỏ nhất với điều kiện tàu đó trang bị chân vịt mũi với công suất tương đương công suất máy tàu lai nhỏ nhất và hoạt động bình thường theo thiết kế.

b) Sử dụng tàu lai được trang bị hai chân vịt biến bước (VSP) hoặc chân vịt Azimuth.

2. Đối với việc quy định tăng số lượng, công suất tàu lai trước khi Giám đốc Cảng vụ quyết định phải bảo đảm nguyên tắc trên cơ sở tình hình thực tế tại khu vực, các điều kiện đảm bảo an toàn và ý kiến của thuyền trưởng, tổ chức hoa tiêu hàng hải trong các trường hợp sau đây:

a) Tàu thuyền có chiều dài (LOA) hoặc trọng tải (DWT) lớn hơn chiều dài, trọng tải trong quyết định công bố của cầu cảng được phép tiếp nhận;

b) Tàu thuyền cập/rời cầu cảng trong điều kiện thời tiết xấu, không thuận lợi (gió từ cấp 6 trở lên theo thang sức gió beaufort);

c) Tàu thuyền mất khả năng điều động;

d) Các trường hợp cần thiết khác nhằm đảm bảo an toàn cho tàu.

Điều 24. Trách nhiệm của thuyền trưởng, hoa tiêu tàu được lai dắt hoặc người chỉ huy đoàn lai dắt và thuyền trưởng tàu lai

1. Trách nhiệm của thuyền trưởng

Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn hàng hải theo khoản 2 Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trách nhiệm của hoa tiêu dẫn tàu

Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn hàng hải theo khoản 1 Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Quyền chỉ huy lai dắt tàu biển và hoạt động của đoàn lai dắt thực hiện theo quy định tại Điều 259 Bộ luật hàng hải Việt Nam và các quy định pháp luật hàng hải liên quan khác.

Mục 6

AN TOÀN HÀNG HẢI

Điều 25. Yêu cầu chung về bảo đảm an toàn hàng hải

Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Điều 105 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Mục 1 Chương V của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; Khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 74/2023/NĐ-CP; các Khoản: 39, 40, 41 và 42 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 26. Phương án bảo đảm an toàn hàng hải

1. Các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm xây dựng và trình Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cảng vụ xem xét, chấp thuận phương án bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, Điều 27 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan; tổ chức thực hiện đúng theo phương án đã được duyệt.

2. Trong quá trình xây dựng và thi công, nếu có sự thay đổi về biện pháp thi công hoặc biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải, giao thông hàng hải so với phương án đã được phê duyệt thì tổ chức, cá nhân liên quan phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi thực hiện.

Điều 27. Phân luồng giao thông trong vùng nước cảng biển

Hoạt động quản lý, vận hành luồng hàng hải, báo hiệu hàng hải và công bố Thông báo hàng hải thực hiện theo quy định tại Chương III của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025, Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 28. Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ tìm kiếm, cứu nạn theo các quy định tại Điều 122 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Điều 107 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; Khoản 39 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP; Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg ngày 20/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ; các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền hoạt động tại cảng biển chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ về phối hợp tham gia tìm kiếm cứu nạn trong vùng nước cảng biển.

3. Nghiêm cấm mọi hành vi sử dụng các trang thiết bị thông tin liên lạc trên tàu hoặc các trang thiết bị, vật dụng khác để phát tín hiệu cấp cứu giả. Trường hợp bất khả kháng hay do sơ suất trong khi sử dụng các trang thiết bị phát tín hiệu cấp cứu như phao EPIRB, MF/HF, VHF..., thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ, đồng thời dùng mọi biện pháp để thông báo hủy bỏ các tín hiệu cấp cứu đã phát trước đó.

4. Hằng năm, các tổ chức, cá nhân hoạt động hàng hải phải xây dựng Phương án ứng phó thiên tai theo quy định tại Thông tư 10/2019/TT-BGTVT ngày 11/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực hàng hải và gửi đến Cảng vụ để theo dõi, triển khai thực hiện.

Điều 29. Xử lý tai nạn hàng hải và sự cố hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân hoặc tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển phải có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về xử lý tai nạn hàng hải theo quy định tại Điều 107 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, quy định khác có liên quan của pháp luật và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng hải, thuyền trưởng, chủ tàu, người quản lý tàu, người khai thác tàu và các tổ chức, cá nhân liên quan tới tai nạn hàng hải có trách nhiệm thực hiện Điều 5 Thông tư số 01/2020/TT-BGTVT ngày 20/01/2020 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải.

Điều 30. Phòng, chống cháy, nổ

1. Các tổ chức, cá nhân, tàu thuyền hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về phòng, chống cháy nổ tại các Điều: 113, 114 và 115 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; Khoản 41 và 42 Điều 1 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP; Luật phòng cháy chữa cháy, các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Khi xảy ra sự cố cháy, nổ trong phạm vi vùng đất cảng, vùng nước thủy diện cảng, thuyền trưởng và doanh nghiệp cảng liên quan có trách nhiệm thực hiện việc ứng phó kịp thời và thông báo ngay cho Cảng vụ, Cảnh sát phòng cháy chữa cháy biết để phối hợp xử lý.

Mục 7

AN NINH HÀNG HẢI, LAO ĐỘNG HÀNG HẢI

Điều 31. Bảo đảm an ninh hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách

nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại các Điều 106 và Điều 107 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Điều 106, 108, 109, 112 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 03/2024/TT-BGTVT ngày 21/02/2024.

2. Tàu biển, bến cảng phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật Quốc tế về An ninh tàu biển và bến cảng (ISPS Code), Kế hoạch an ninh tàu biển, cảng biển được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hằng năm, nếu có những thay đổi liên quan đến an ninh cảng biển như sỹ quan an ninh, đánh giá an ninh, kế hoạch an ninh thì doanh nghiệp cảng phải thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ.

4. Tàu thuyền, cảng biển phải thực hiện các quy định tiếp nhận, truyền phát theo quy định tại Nghị định số 170/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về việc công bố, tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin an ninh hàng hải.

5. Cấp độ an ninh cảng biển được thông báo bằng văn bản hoặc cập nhật trên cổng thông tin điện tử của Cảng vụ.

Điều 32. Lao động hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển và vùng nước cảng biển phải chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam về lao động hàng hải và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về lao động hàng hải và quy định pháp luật có liên quan khác.

2. Tàu thuyền thuộc đối tượng áp dụng của Công ước lao động hàng hải (MLC 2006) phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Công ước này và quy định pháp luật có liên quan khác.

3. Khi xảy ra tai nạn lao động hàng hải trong vùng nước cảng biển, chủ tàu hoặc thuyền trưởng có trách nhiệm thực hiện các quy định theo Thông tư số 37/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo tai nạn lao động hàng hải và kịp thời báo cáo cho Cảng vụ để phối hợp xử lý.

Mục 8 BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 33. Bảo vệ môi trường tại cảng biển

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại điều ước quốc tế mà Cộng hòa

xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Điều 105 và Điều 128 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Luật Bảo vệ môi trường, Mục 2 Chương V của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định có liên quan khác của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có chức năng hợp pháp khi tiếp nhận chất thải thu gom là các dạng dung dịch, chất thải rắn, chất thải nguy hại từ tàu thuyền phải lập, ghi chép nhật ký tiếp nhận, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải và có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin, số liệu liên quan cho Cảng vụ khi được yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 34/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Đối với đường ống chuyên dầu giữa tàu và kho chứa xăng dầu tại bến phao, cầu cảng phải có van tự động khóa hoặc biện pháp phù hợp nhằm phòng tránh dầu tràn ra ngoài trong quá trình đấu nối hoặc thu ống.

Điều 34. Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ hoạt động tàu thuyền

1. Tất cả các tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có nghĩa vụ thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tàu thuyền neo đậu trong vùng nước cảng biển không được bơm xả các loại nước bẩn, cặn bẩn, chất thải, dầu hoặc hợp chất dầu và các loại chất độc hại khác; không được vứt, đổ rác hoặc các đồ vật khác từ tàu xuống nước hoặc cầu cảng.

Điều 35. Quản lý nước dẫn tàu, thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền

1. Tàu biển thuộc đối tượng áp dụng của Công ước quốc tế về kiểm soát, quản lý nước dẫn và cặn nước dẫn của tàu năm 2004 (*sau đây gọi tắt là Công ước BWM*) phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Công ước BWM.

2. Tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền nước ngoài, các cơ quan và tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển thực hiện theo đúng quy định tại Điều 117 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về Quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 34/2020/TT-BGTVT ngày 23/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 36. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

1. Tất cả các tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có nghĩa vụ thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Nghiêm cấm tất cả các tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển xả nước thải,

xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra ngoài môi trường.

2. Trong trường hợp xảy ra sự cố liên quan đến tràn dầu, các tàu thuyền neo đậu tại khu vực lân cận phải di chuyển theo hướng dẫn, điều tiết của Cảng vụ và thực hiện các quy định theo Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu và các văn bản pháp luật có liên quan.

Mục 9

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI

Điều 37. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Chương XI Bộ luật hàng hải Việt Nam, Mục 6 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các yêu cầu sau đây:

1. Tổ chức cung cấp và đáp ứng đầy đủ nhu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong vùng hoa tiêu bắt buộc hoặc tuyến dẫn tàu được giao, bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, lao động hàng hải, phòng chống dịch bệnh và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Trước 16 giờ 00 phút hằng ngày, lập kế hoạch dẫn tàu của ngày kế tiếp, gửi đến Cảng vụ để lập Kế hoạch điều động tàu thuyền đến, rời hoặc di chuyển trong vùng nước cảng biển, trường hợp có thay đổi phải kịp thời thông báo và nêu rõ lý do. Nếu hoa tiêu được chủ tàu hoặc đại diện của chủ tàu có yêu cầu đích danh thì Giám đốc công ty hoa tiêu phải đáp ứng, trường hợp không đáp ứng phải nêu rõ lý do và bố trí hoa tiêu khác thay thế.

3. Khi xảy ra trường hợp đình chỉ hoặc có yêu cầu thay thế hoa tiêu từ thuyền trưởng của tàu, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải phải thực hiện ngay việc thay thế hoa tiêu và cập nhật kế hoạch dẫn tàu gửi đến Cảng vụ.

4. Phối hợp với tổ chức bảo đảm an toàn hàng hải, doanh nghiệp cảng, đại lý của chủ tàu và các cơ quan, tổ chức liên quan tại khu vực để tổ chức cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải an toàn, hiệu quả.

5. Tổ chức hoa tiêu phải cập nhật và thông báo cho hoa tiêu dẫn tàu các thông số kỹ thuật về bến cảng, bến phao, khu vực neo đậu, khu vực chuyển tải, khu vực quay trở, độ sâu tuyến luồng... cũng như các yêu cầu kỹ thuật khi cập và rời cầu cảng, bến phao.

6. Thực hiện xây dựng, ban hành, niêm yết công khai giá dịch vụ hoa tiêu theo quy định tại Điều 90 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và Thông tư số

12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam, Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam và gửi đến Cảng vụ để kiểm tra, giám sát.

Điều 38. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng, bến phao, doanh nghiệp hoạt động bốc xếp tại khu vực neo đậu, chuyển tải

Doanh nghiệp khai thác cảng biển, bến phao có trách nhiệm thực hiện quy định tại Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh khai thác cảng, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018, Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022; các Điều: 37, 67, 112, 113 và 117 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; các Khoản: 11, 28 và 41 Điều 1 của Nghị định 34/2025/NĐ-CP; các quy định có liên quan khác của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Thực hiện công tác đầu tư, xây dựng và quản lý cảng:

a) Trước khi tiến hành xây dựng cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải chủ đầu tư gửi đến Cảng vụ bản sao quyết định đầu tư xây dựng công trình kèm theo bình đồ bố trí mặt bằng tổng thể, quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình và phương án đảm bảo an toàn hàng hải để tổ chức kiểm tra, giám sát theo quy định;

b) Sau khi được cấp có thẩm quyền công bố mở cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải theo quy định tại Khoản 7 và Khoản 8 Điều 1 của Nghị định 34/2025/NĐ-CP, các doanh nghiệp cảng biển có trách nhiệm gửi đến Cảng vụ các giấy tờ liên quan để tổ chức quản lý;

c) Khi có sự thay đổi về điều kiện an toàn khai thác cảng, bến phao, khu chuyển tải (giới hạn về điều kiện khí tượng, thủy văn và các yêu cầu hạn chế khác), phải thông báo đến Cảng vụ biết để kiểm tra giám sát.

d) Thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ trước khi tiến hành các hoạt động sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cầu, bến cảng, bến phao hoặc tiến hành các hoạt động khác ảnh hưởng đến an toàn hàng hải tại cảng biển; chỉ tiến hành các hoạt động này khi được Cảng vụ chấp thuận.

2. Thực hiện công tác khai thác, vận hành cảng:

a) Chậm nhất 16 giờ 00 phút hằng ngày, doanh nghiệp cảng, bến phao, khu chuyển tải phải thông báo bằng văn bản (Thư điện tử hoặc gửi trực tiếp) cho Cảng vụ biết kế hoạch điều độ của ngày hôm sau; trường hợp có thay đổi đột xuất phải thông báo kịp thời bằng văn bản (Thư điện tử hoặc gửi trực tiếp) hoặc bằng điện thoại hay qua VHF;

b) Bố trí công nhân lành nghề, được trang bị bảo hộ lao động phù hợp, VHF cầm tay để bảo đảm việc liên lạc, trao đổi với Thuyền trưởng hoặc hoa tiêu

tàu thuyền liên quan và phải được thông báo rõ về kế hoạch, cách thức buộc, cởi dây để chuẩn bị sẵn sàng trước khi tàu vào hoặc rời cảng;

c) Phối hợp chặt chẽ với thuyền trưởng, chủ hàng hoặc người vận chuyển để đảm bảo việc xếp dỡ hàng hóa được tuân thủ theo các quy định của pháp luật, duy trì sự ổn định của tàu, an toàn cho thuyền viên làm việc trên tàu.

d) Trong thời gian điều động tàu thuyền cập, rời cầu cảng và trong thời gian không có tàu cập cầu, các cần cầu bờ không được vươn ra phía ngoài vùng nước trước cầu cảng. Trường hợp cần cầu vươn ra ngoài vùng nước trước cầu cảng phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ hay thực hiện công việc cần thiết khác, doanh nghiệp cảng phải thông báo cho Cảng vụ biết; đồng thời, áp dụng biện pháp thích hợp nhằm bảo đảm an toàn theo quy định;

đ) Ngay sau khi có kế hoạch tiếp nhận tàu thuyền, phải thông báo cho thuyền trưởng, đại lý của chủ tàu biết về thông số kỹ thuật của cầu cảng, bến phao và điều kiện an toàn khai thác;

e) Tàu thuyền sử dụng để phục vụ công tác bắt/ tháo dây buộc tàu tại bến phao phải đảm bảo định biên, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và chấp hành các quy định liên quan tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các sửa đổi, bổ sung có liên quan;

g) Khi tồn tại hàng hóa quá thời hạn làm thủ tục Hải quan có nguy cơ gây cháy nổ hoặc gây ô nhiễm môi trường, phải tổng hợp, thông báo cho Cảng vụ và cơ quan Hải quan biết.

3. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về kiểm soát tải trọng phương tiện đường bộ tại cảng biển như: Thông tư 41/2023/TT-BGTVT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; Thông tư 10/2015/TT-BGTVT ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong hoạt động vận tải bằng xe ô tô; Thông tư 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13/12/2025; các quy định pháp luật có liên quan khác và bản cam kết kiểm soát tải trọng mà các doanh nghiệp cảng đã xây dựng ký kết.

4. Thực hiện xây dựng và phê duyệt quy trình bảo trì công trình hàng hải, kế hoạch bảo trì công trình hàng hải hàng năm, thực hiện bảo trì công trình hàng hải, quan trắc công trình hàng hải trong quá trình khai thác, sử dụng, đánh giá an toàn công trình hàng hải theo quy định tại Thông tư 05/2026/TT-BXD ngày 10/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về bảo trì công trình hàng hải và tần suất khảo sát thông báo hàng hải và Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày

26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

5. Thực hiện xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện Phương án bảo vệ công trình hàng hải theo quy định tại Nghị định số 143/2017/NĐ-CP ngày 14/12/2017 của Chính phủ quy định bảo vệ công trình hàng hải.

6. Thực hiện khảo sát vùng nước trước cầu cảng, bến cảng, khu chuyển tải theo quy định của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam. Trường hợp phát hiện điểm cạn cục bộ bất thường, doanh nghiệp khai thác cảng phải kịp thời thông báo cho Cảng vụ, đồng thời tổ chức khảo sát và gửi kết quả khảo sát kèm bình đồ độ sâu tới Cảng vụ để thực hiện công bố thông báo hàng hải theo quy định.

7. Thực hiện xây dựng, ban hành, niêm yết công khai giá dịch vụ dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo theo quy định tại Điều 90 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam; Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam và Quyết định số 809/QĐ-BGTVT ngày 01/07/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành khung giá dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam.

8. Hàng năm, doanh nghiệp cảng phải rà soát, bổ sung, sửa đổi phương án phòng, chống cháy, nổ trong phạm vi khu vực thuộc trách nhiệm quản lý, khai thác của doanh nghiệp cho phù hợp và sao gửi, báo cáo Cảng vụ biết, giám sát.

9. Xây dựng, cập nhật hàng năm (nếu có thay đổi), trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định tại Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

10. Hàng năm, thực hiện xây dựng và triển khai kế hoạch Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn gửi đến Cảng vụ biết để kiểm tra, giám sát;

11. Doanh nghiệp hoạt động bốc xếp tại các khu neo đậu, khu chuyển tải phải xây dựng Phương án xếp dỡ hàng hóa, gửi đến Cảng vụ để theo dõi, giám sát thực hiện và chỉ được tiến hành khi có sự chấp thuận của Cảng vụ.

Điều 39. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại các điều của Mục 1 Chương X của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam; Chương III của Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển; Khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 40. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Chương II của Nghị định số 160/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển; các Khoản: 1, 2 và 3 Điều 3 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 41. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu thuyền

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu thuyền chấp hành nghiêm chỉnh các quy định tại Chương XII của Bộ luật Hàng hải Việt Nam; Chương III của Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển; Khoản 5 Điều 3 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải và dịch vụ lai dắt tàu biển, các quy định khác có liên quan của pháp luật và các yêu cầu sau:

1. Trước 16 giờ 00 phút hàng ngày, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu thuyền phải gửi cho Cảng vụ về Kế hoạch tàu lai hỗ trợ của ngày hôm sau. Trong trường hợp có thay đổi, chậm nhất 02 giờ trước khi được yêu cầu cung cấp dịch vụ phải thông báo đến Cảng vụ biết để điều chỉnh Kế hoạch điều động tàu thuyền.

2. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu thuyền căn cứ vào Kế hoạch điều động tàu thuyền của Cảng vụ để bố trí đúng số lượng, công suất của tàu lai phục vụ cho việc lai dắt hỗ trợ tàu thuyền.

3. Thực hiện xây dựng, ban hành, niêm yết công khai giá dịch vụ lai dắt tại theo quy định tại Điều 90 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam; Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam và Quyết định số 811/QĐ-BGTVT ngày 01/07/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành khung giá dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam.

Điều 42. Trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển được bổ sung, sửa đổi bởi Thông tư số 34/2020/TT-BGTVT ngày 23/12/2020 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định

kỳ trong lĩnh vực hàng hải; Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật.

Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải

Tổ chức quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải và công bố thông báo hàng hải phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định tại Điều 108 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Chương III của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; các Khoản: 1, 2, 3 Điều 1 của Nghị định số 74/2023/NĐ-CP; các Khoản: 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24 và 25 Điều 1 của Nghị định 34/2025/NĐ-CP; các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm của doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo Cồn Cỏ

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp khai thác bến cảng hành khách:

Ngoài các quy định tại Điều 38 của Nội quy này, doanh nghiệp khai thác bến cảng hành khách phải thực hiện:

a) Lắp đặt cố định cầu thang có trang bị lan can và lưới bảo vệ tại vị trí phù hợp để đảm bảo an toàn và thuận tiện cho hành khách lên xuống tàu. Thường xuyên duy trì các thiết bị, phương tiện đảm bảo an toàn cho hành khách lên xuống bến cảng, di chuyển và chờ đợi;

b) Xây dựng kế hoạch đón trả hành khách, bố trí khu vực chờ, thiết lập các lối đi riêng cho hành khách, phương tiện đưa đón hành khách di chuyển trên bến cập tàu, không để xảy ra trường hợp hành khách chen lấn, xô đẩy, phương tiện ùn tắc nhằm đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường.

2. Trách nhiệm doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh dịch vụ vận chuyển hành khách trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo:

a) Thực hiện theo quy định tại Thông tư 16/2013/TT-BGTVT, Thông tư số 24/2022/TT-BGTVT, Thông tư số 10/2024/TT-BGTVT, các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Bố trí phương tiện phải thực hiện đúng kế hoạch, thời gian chạy tàu đã đăng ký. Trường hợp thay đổi kế hoạch, thời gian chạy tàu phải thông cáo cho Cảng vụ và chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận của Cảng vụ;

c) Chấp hành sự giám sát, kiểm tra về điều kiện đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, lao động hàng hải, phòng chống cháy nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật;

d) Đăng ký giá vé, giá các dịch vụ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Thực hiện niêm yết công khai giá vé, giá các dịch vụ đã được phê duyệt trên phương tiện;

e) Phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp khai thác bến cảng hành khách trong việc lập và tổ chức phương án đón trả hành khách, kế hoạch chạy tàu

nhằm đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Mục 10

CÔNG TÁC PHỐI HỢP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI

Điều 45. Phối hợp hoạt động giữa các Cảng vụ hàng hải

Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị thực hiện công tác phối hợp với các Cảng vụ hàng hải khác về việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ được giao, cụ thể như sau:

1. Xử lý vi phạm hành chính liên quan đến hoạt động hàng hải;
2. Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn;
3. Điều tra tai nạn, sự cố, lao động hàng hải;
4. Phòng chống dịch bệnh;
5. Các nhiệm vụ cần thiết khác.

Điều 46. Phối hợp giữa Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị với các cơ quan quản lý nhà nước khác

Việc phối hợp giữa Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị với các cơ quan quản lý nhà nước khác được thực hiện theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Điều 120 và Điều 121 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các Quy chế phối hợp đã ký kết và những quy định có liên quan khác của pháp luật.

Mục 11

CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN KHÁC

Điều 47. Hoạt động thể thao, diễn tập tìm kiếm, cứu nạn và an ninh hàng hải

1. Việc tổ chức các hoạt động thể thao, biểu diễn, diễn tập tìm kiếm, cứu nạn và an ninh hàng hải trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 109 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định pháp luật có liên quan khác.

2. Chậm nhất 07 ngày trước khi dự định tổ chức các hoạt động thể thao, biểu diễn, diễn tập tìm kiếm, cứu nạn và an ninh hàng hải trong vùng nước cảng biển, đơn vị tổ chức phải gửi văn bản đề nghị kèm theo phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho Cảng vụ và chỉ được tiến hành sau khi đã được chấp thuận.

3. Trong quá trình thực hiện tổ chức các hoạt động thể thao, biểu diễn, diễn tập tìm kiếm, cứu nạn và an ninh hàng hải không được gây ảnh hưởng tới an toàn, an ninh trật tự và các hoạt động bình thường của tàu thuyền.

4. Cung cấp cho Cảng vụ đầy đủ các hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động thể thao, biểu diễn, diễn tập tìm kiếm, cứu nạn và an ninh hàng hải khi có yêu cầu.

Điều 48. Kiểm dịch y tế, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch động vật, phòng chống dịch bệnh

1. Thuyền trưởng tàu thuyền có trách nhiệm:

a) Thông báo cho cơ quan Kiểm dịch y tế biết về thuyền viên, hành khách có tình trạng bất thường đối với sức khỏe, có biểu hiện nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm; tàu thuyền xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch; vấn đề liên quan đến kiểm dịch y tế đối với hàng hóa nhập khẩu/xuất khẩu/quá cảnh; cung ứng thực phẩm và nước uống cho tàu thuyền khi neo đậu tại cảng biển và các yếu tố liên quan đến sức khỏe cộng đồng khác;

b) Thông báo cho các cơ quan Kiểm dịch thực vật, động vật về những hàng hóa nông, lâm sản, thực phẩm, gia súc, gia cầm, động vật nhập khẩu để tiến hành kiểm dịch theo quy định.

c) Tàu thuyền chỉ được phép tiến hành hun chuột, khử trùng trong vùng kiểm dịch theo quy định hoặc tại các vị trí do Cảng vụ chỉ định.

d) Trong trường hợp tàu thuyền cần tiến hành xử lý y tế, cách ly giám sát dịch bệnh phải thông báo cho Cảng vụ và chỉ được tiến hành tại vị trí chỉ định trên cơ sở ý kiến của các cơ quan chuyên môn. Việc thực hiện xử lý y tế, cách ly giám sát dịch bệnh phải đảm bảo theo đúng quy định.

đ) Trước và trong khi tiến hành phải trưng đèn hoặc treo cờ, dấu hiệu cảnh báo theo quy định, đồng thời phải có các biện pháp bảo đảm an toàn cho con người, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường xung quanh khu vực của tàu thuyền neo đậu.

e) Trường hợp tàu thuyền phát hiện có thuyền viên bị nhiễm bệnh dịch: Phối hợp với cơ quan phòng chống dịch bệnh tại cảng biển để thực hiện việc khám chữa bệnh cho thuyền viên bị nhiễm bệnh dịch; Phun khử trùng tàu, kiểm soát dịch bệnh đối với các thuyền viên còn lại; Quản lý chặt chẽ việc đi bờ của thuyền viên; Không cho phép các phương tiện khác cập mạn; Chỉ hạ cầu thang lên xuống khi thực sự cần thiết; Không cho phép thuyền viên trên tàu tiếp xúc với công nhân làm hàng; Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ phòng dịch cho thuyền viên, yêu cầu những người lên tàu phải tuân thủ việc trang bị bảo hộ phòng dịch theo quy định và thực hiện các quy định phòng chống dịch bệnh khác.

2. Các doanh nghiệp hoạt động tại cảng biển Quảng Trị phải tiến hành xây dựng và triển khai phương án phòng, chống dịch bệnh khi có yêu cầu.

Phụ lục I

Thông tin chung về vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị

(Kèm theo Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị)

A. DANH MỤC BẾN CẢNG:

1. Khu vực Hòn La:

a) Bến cảng PTSC Hòn La:

Cầu cảng số 1 có chiều dài cầu cảng 215m, cho phép tiếp nhận tàu có trọng tải trên 10.000 DWT đến 29.500DWT giảm tải (chiều dài LOA < 180m, chiều rộng B < 28,1m) có mớn nước thực tế phù hợp (d < 8,40m) vào, rời cầu. Công suất thiết kế: 1.260.000 tấn/năm, thuộc quản lý của Chi nhánh PTSC Miền Trung - Tổng công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Dầu Khí Việt Nam.

b) Bến cảng tổng hợp quốc tế Hòn La, gồm 04 cầu cảng:

- Cầu cảng số 1: Có chiều dài 230m, cho phép tiếp nhận tàu hàng tổng hợp từ 50.000 DWT đến 70.000 DWT;

- Cầu cảng số 2: Có chiều dài 240m, cho phép tiếp nhận tàu hàng rời đến 70.000 DWT;

- Cầu cảng số 3: Có chiều dài 240m, cho phép tiếp nhận tàu hàng từ 70.000 DWT đến 100.000 DWT giảm tải;

- Cầu cảng số 4: Có chiều dài 260m, có khả năng khai thác tàu hàng từ 70.000 DWT đến 100.000 DWT;

- Kè bảo vệ kết hợp khai thác phương tiện thủy nội địa: có chiều dài 210m, cho phép tiếp nhận phương tiện thủy nội địa đến 7.000 DWT.

- Công suất khai thác: 06 triệu tấn/năm;

- Đơn vị quản lý, khai thác: Công ty Cổ phần Cảng Hòn La.

c) Bến cảng chuyên dùng Trung tâm Điện lực Quảng Trạch:

Cầu cảng số 1 có chiều dài 300m, cho phép tiếp nhận tàu có trọng tải đến 100.000 DWT (theo thiết kế); các tàu có trọng tải đến 100.000 DWT có mớn nước khai thác phù hợp với độ sâu luồng hàng hải, vũng quay tàu, khu nước trước bến để vào, rời bến cảng, thuộc quản lý, khai thác của Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch - Chi nhánh Tập Đoàn điện lực Việt Nam.

2. Khu vực Cửa Gianh:

- Bến cảng Thắng Lợi gồm 02 cầu cảng, thuộc quản lý, khai thác của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Thắng Lợi:

+ Cầu cảng số 1 có chiều dài 80m, cho phép tiếp nhận tàu hàng tổng hợp có trọng tải đến 1.000 DWT;

+ Cầu cảng số 2 có chiều dài 145m, cho phép tiếp nhận tàu hàng tổng hợp có trọng tải đến 3.000 DWT đầy tải và 5.000 DWT giảm tải.

- Bến cảng Gianh có 01 cầu cảng dài 68 m, cho phép tiếp nhận tàu hàng tổng hợp có trọng tải đến 1.000 DWT, thuộc quản lý, khai thác của Công ty cổ phần cảng Quảng Bình;

- Bến cảng Xăng dầu Sông Gianh có dạng bến trụ tựa, chiều dài 94m, cho phép tiếp nhận tàu hàng lỏng có trọng tải đến 1.000 DWT, thuộc quản lý, khai thác của Công ty cổ phần xăng dầu Quảng Bình;

- Khu chuyển tải tạm thời tại Cửa Gianh có bán kính 300m, tâm tại vị trí có tọa độ: $j = 17^{\circ}43'31.2''N$, $106^{\circ}31'45.6''E$, cho phép tiếp nhận tàu có trọng tải đến 50.000 DWT, thuộc quản lý, khai thác của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Thăng Lợi.

3. Khu vực Cửa Việt:

- Bến cảng Cửa Việt gồm 03 cầu cảng:

+ Cầu cảng số 1 và cầu cảng số 2 có tổng chiều dài 128m, cho phép tiếp nhận tàu hàng tổng hợp có trọng tải đến 2.000 DWT, công suất thiết kế 400.000 tấn/năm, thuộc Công ty Cổ phần Cảng Cửa Việt;

+ Cầu cảng Hợp Thịnh có chiều dài 140m, cho phép tiếp nhận tàu hàng tổng hợp có trọng tải đến 3.000 DWT đầy tải và 5.000 DWT giảm tải, công suất thiết kế 400.000 tấn/năm, thuộc Công ty TNHH MTV Hợp Thịnh;

- Bến cảng xăng dầu Hải Hà gồm 01 cầu cảng, chiều dài 35m, cho phép tiếp nhận tàu hàng lỏng có trọng tải đến 3.000 DWT, công suất thiết kế: 30.200 tấn/năm, thuộc Công ty TNHH Vận tải thủy bộ Hải Hà;

- Bến phao xăng dầu Hưng phát có chiều dài 270m, cho phép tiếp nhận tàu hàng lỏng có trọng tải đến 40.000 DWT, công suất thiết kế 340.000 tấn/năm, thuộc Công ty TNHH SX-TM Hưng Phát;

- Bến cảng hành khách Bắc Cửa Việt có chiều dài 70m, cho phép tiếp nhận tàu khách có sức chở đến 200 hành khách;

- Khu chuyển tải số 2 tại Cửa Việt có bán kính 310m, tâm tại vị trí có tọa độ: $j: 16^{\circ}55'38.3''N$, $107^{\circ}12'42.6''E$ (Hệ tọa độ WGS-84), cho phép tiếp nhận tàu hàng tổng hợp có trọng tải đến 50.000 DWT đầy tải và 70.000 DWT giảm tải, thuộc Công ty TNHH MTV Hợp Thịnh.

4. Khu vực Mỹ Thủy:

Bến cảng quốc tế Mỹ Thủy, gồm 04 cầu cảng, với tổng chiều dài 1.300m, cho phép tiếp nhận tàu tổng hợp có trọng tải đến 100.000 DWT, thuộc quản lý, khai thác của Công ty CP Liên doanh cảng quốc tế Mỹ Thủy.

5. Khu vực Cồn Cỏ:

Có 01 cảng cá Côn Cỏ với chiều dài 110m, có công năng bổ sung cho phép tiếp nhận tàu hàng tổng hợp và tàu khách có trọng tải đến 300 tấn.

B. TUYẾN LUỒNG HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN QUẢNG TRỊ

1. Khu vực Hòn La:

- Luồng hàng hải Hòn La có chiều dài 3,2km, chiều rộng 100m, gồm 05 báo hiệu hàng hải, độ sâu theo chuẩn tắc thiết kế 8,2m (hệ cao độ Hải đồ);

- Vùng đón trả hoa tiêu và vùng kiểm dịch: Có hình quạt tròn được giới hạn từ góc phương vị 45° đến 225° , với bán kính 1,0 hải lý và tâm là vị trí có tọa độ: $j = 17^{\circ}54'51.4''N$, $l = 106^{\circ}31'53.7''E$ (Hệ tọa độ WGS-84).

2. Khu vực Cửa Gianh:

- Luồng hàng hải Cửa Gianh có chiều dài 4,9km, rộng 70m, gồm 10 phao tiêu báo hiệu, độ sâu theo chuẩn tắc thiết kế 4,8m (hệ cao độ Hải đồ);

- Vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch Cửa Gianh: Có hình quạt tròn được giới hạn từ góc 0° đến góc 165° với bán kính 1,0 hải lý, với tâm có tọa độ như sau: $j = 17^{\circ}42'23.4''N$, $l = 106^{\circ}30'36.7''E$ (Hệ tọa độ WGS-84).

3. Khu vực Cửa Việt:

- Luồng hàng hải Cửa Việt có chiều dài 2,4km, rộng 60m, gồm 08 phao tiêu báo hiệu hàng hải, độ sâu theo chuẩn tắc thiết kế 5,6m (hệ cao độ Hải đồ);

- Hệ thống đê chắn cát: Gồm 02 đê chắn cát, đê chắn cát phía Bắc luồng hàng hải Cửa Việt có chiều dài 950m, đê chắn cát phía Nam luồng hàng hải Cửa Việt có chiều dài 980m;

- Vùng đón trả hoa tiêu và vùng kiểm dịch: Được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý, tâm tại vị trí có tọa độ: $j = 16^{\circ}55'48''N$, $l = 107^{\circ}13'18''E$ (Hệ tọa độ WGS-84).

4. Khu vực Mỹ Thủy:

- Luồng hàng hải Mỹ Thủy dài 7,4km, rộng 170m, gồm 09 phao tiêu báo hiệu hàng hải độ sâu theo chuẩn tắc thiết kế 17,5 m (hệ cao độ Hải đồ);

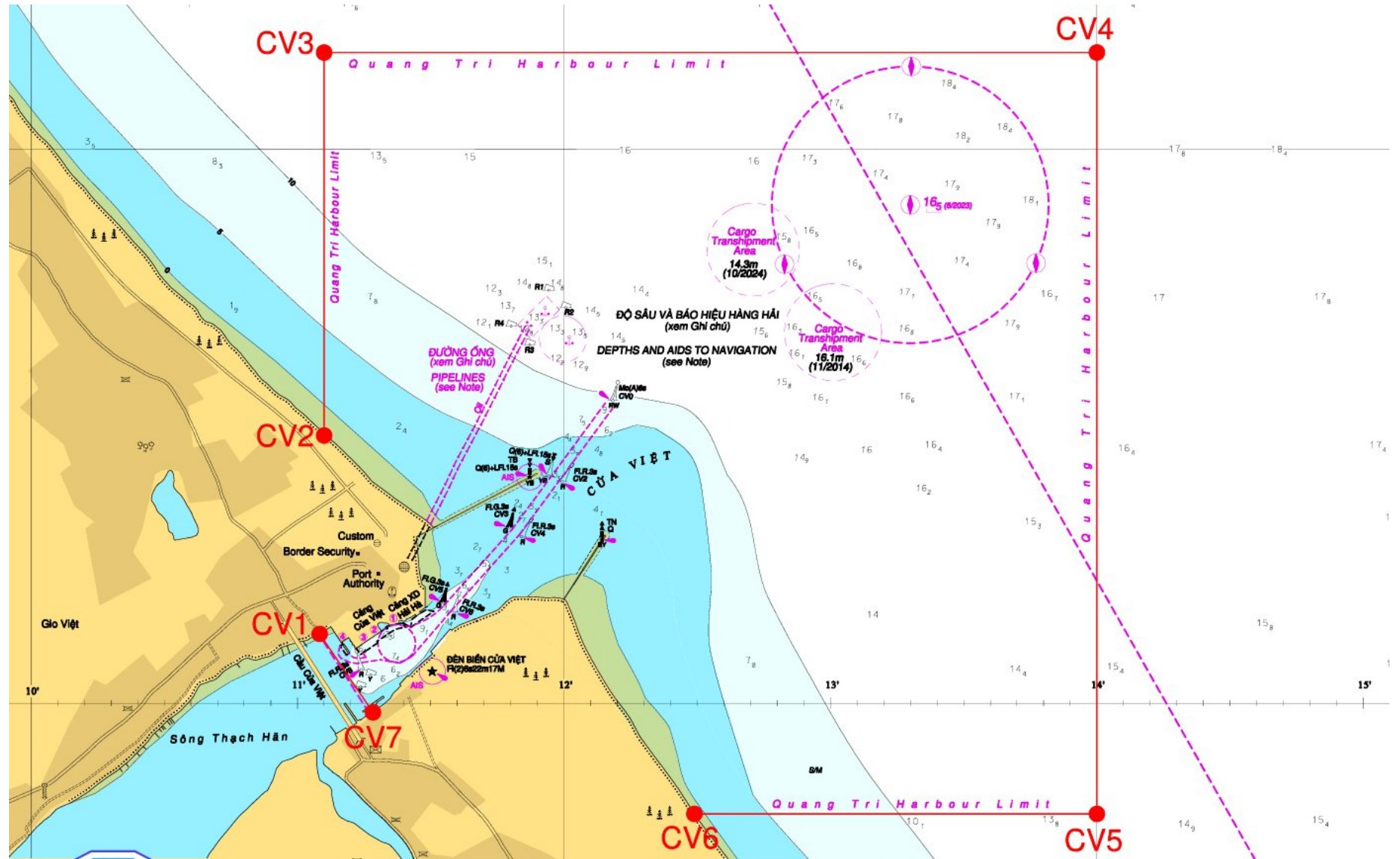
- Hệ thống đê chắn sóng, chắn cát: Gồm 02 đê, đê chắn sóng, chắn cát phía Đông dài 1.735m; đê chắn sóng, chắn cát phía Tây dài 400m;

- Vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch: Có hình tròn bán kính 1,3 hải lý, tâm là vị trí có tọa độ $j = 16^{\circ}51'07.2''N$, $l = 107^{\circ}22'24.1''E$ (Hệ tọa độ WGS-84).

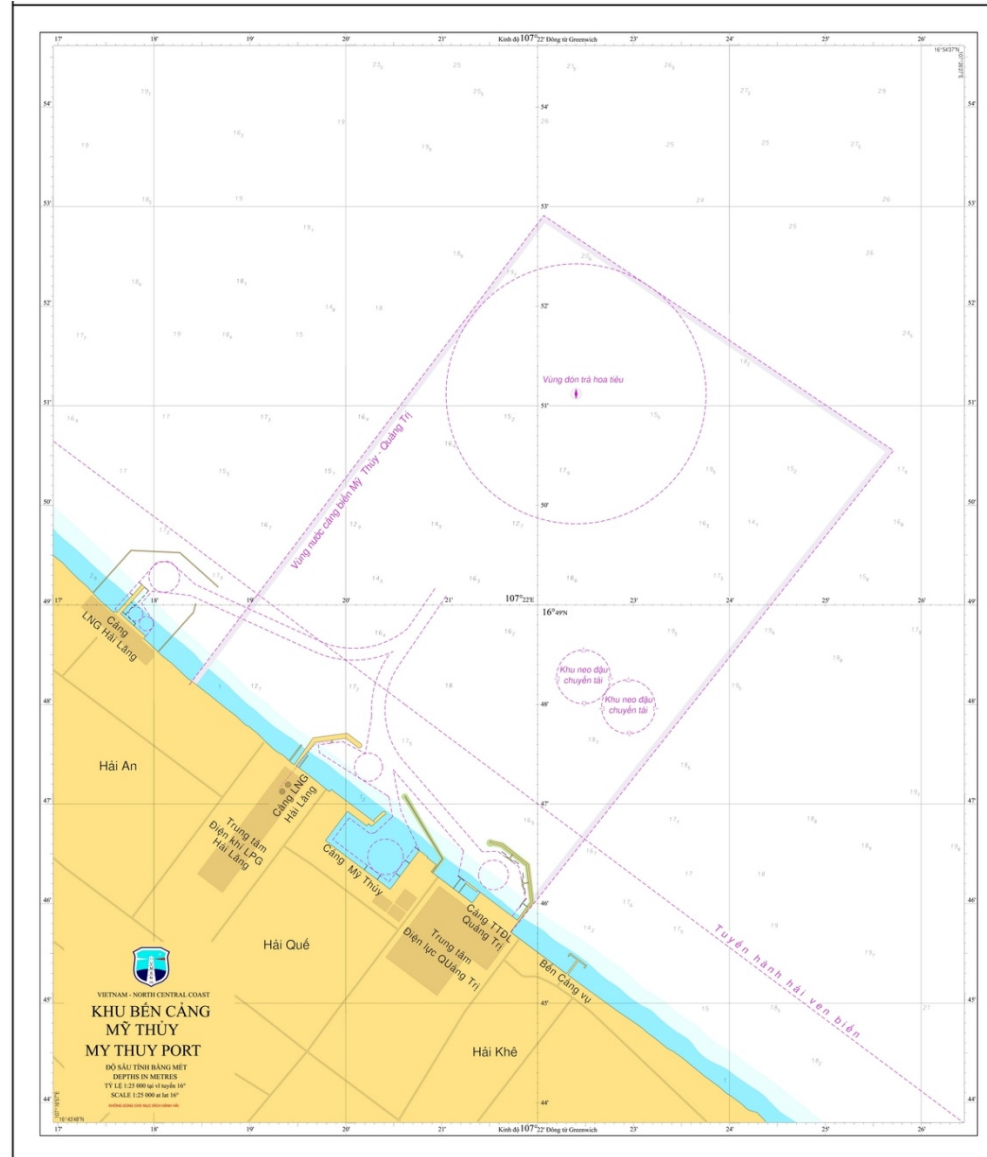
5. Tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo Côn Cỏ:

a) Tuyến vận tải thủy từ Cửa Việt ra đảo Côn Cỏ có chiều dài 18 hải lý, phương tiện được phép hoạt động trên tuyến mang cấp đăng kiểm VR-SB, VRH-III trở lên;

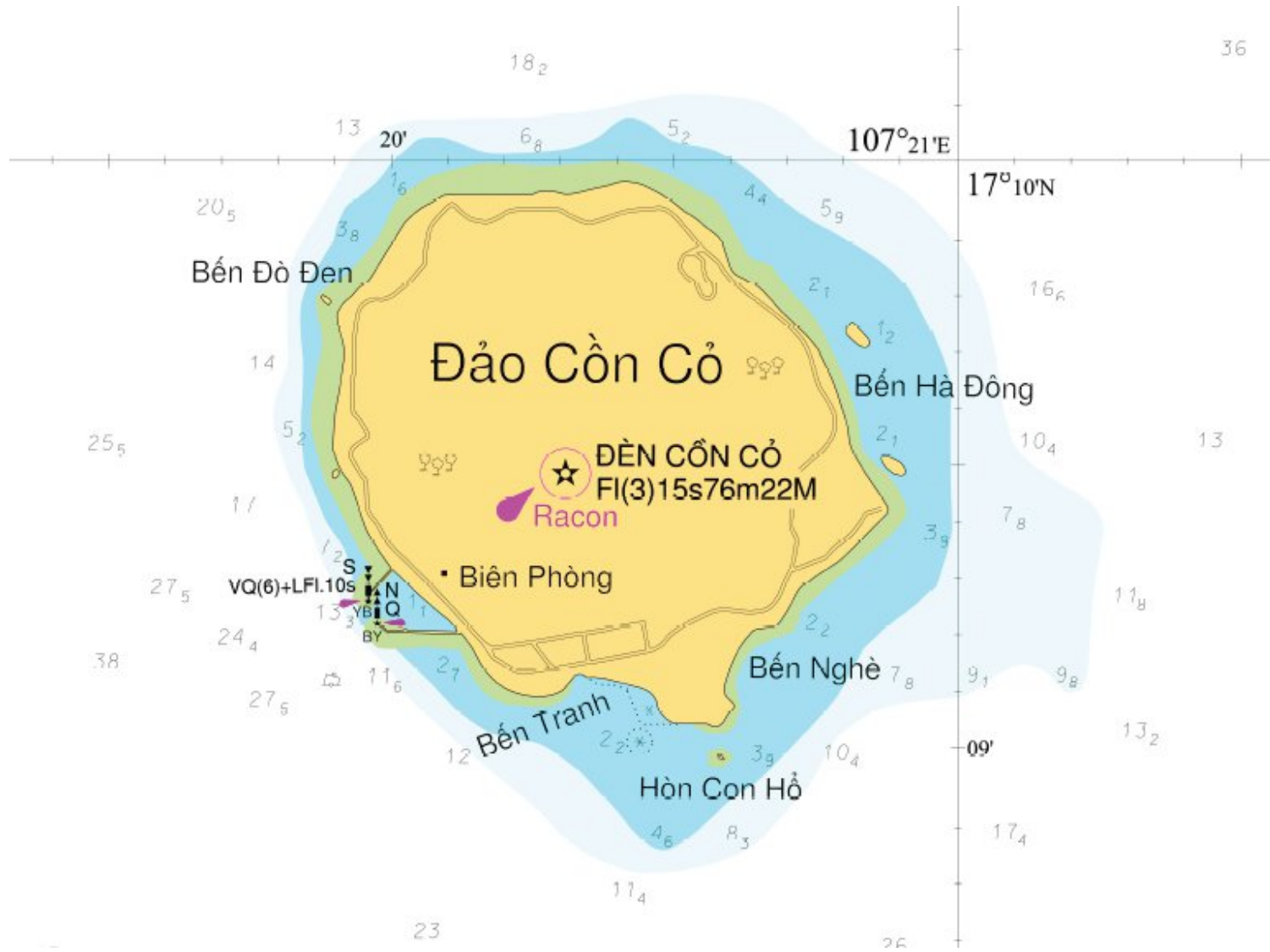
b) Tuyến vận tải thủy từ Cửa Tùng ra đảo Cồn Cỏ có chiều dài 16 hải lý, phương tiện được phép hoạt động trên tuyến mang cấp đăng kiểm VR-SB, VRH-III trở lên.



Hình 3. Khu vực Cửa Việt



Hình 4. Khu vực Mỹ Thủy



Hình 5. Khu vực Côn Cỏ

I. Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị bao gồm 04 khu vực hàng hải:

1. Khu vực hàng hải Hòn La.
2. Khu vực hàng hải Cửa Gianh.
3. Khu vực hàng hải Cửa Việt.
4. Khu vực hàng hải Mỹ Thủy.

II. Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị tính theo mực nước thủy triều lớn nhất bao gồm các khu vực như sau:

1. Khu vực Hòn La với phạm vi:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm HL1, HL2, HL3 và HL4 có tọa độ sau đây:

HL1: 17°57'39,1"N, 106°30'33,1"E;

HL2: 17°57'39,1"N, 106°34'10,4"E;

HL3: 17°53'03,6"N, 106°34'10,4"E;

HL4: 17°53'03,6"N, 106°27'35,7"E.

b) Ranh giới về phía đất liền: được giới hạn từ điểm HL4 chạy theo mép nước dọc bờ biển xã Phú Trạch về phía Bắc đến điểm HL1.

2. Khu vực Cửa Gianh với phạm vi:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm CG2, CG3, CG4 và CG5 có tọa độ sau đây:

CG2: 17°44'03,6"N, 106°28'27,4"E;

CG3: 17°44'03,6"N, 106°34'10,4"E;

CG4: 17°40'03,6"N, 106°34'10,4"E;

CG5: 17°40'03,6"N, 106°30'31,4"E.

b) Ranh giới về phía đất liền trên khu vực sông Gianh: được giới hạn bởi đoạn thẳng nối điểm CG1 có tọa độ: 17°42'55,1"N, 106°26'34,9"E với điểm CG6 có tọa độ: 17°42'37,6"N, 106°26'28,2"E, cách cầu đường bộ Gianh về phía hạ lưu 150m; từ điểm CG1 chạy dọc theo bờ sông Gianh và đường bờ biển ra đến điểm CG2, từ điểm CG6 chạy dọc theo bờ sông Gianh và đường bờ biển ra đến điểm CG5.

3. Khu vực Cửa Việt với phạm vi:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm CV2, CV3, CV4, CV5 và CV6 có tọa độ sau đây:

CV2: 16°55'01,6"N, 107°10'59,4"E;

CV3: 16°56'24,6"N, 107°10'59,4"E;

CV4: $16^{\circ}56'24,6''\text{N}$, $107^{\circ}13'53,4''\text{E}$;

CV5: $16^{\circ}53'39,6''\text{N}$, $107^{\circ}13'53,4''\text{E}$;

CV6: $16^{\circ}53'39,6''\text{N}$, $107^{\circ}12'22,4''\text{E}$.

b) Ranh giới về phía đất liền trên khu vực sông Hiếu: được giới hạn bởi đoạn thẳng nối điểm CV1 có tọa độ: $16^{\circ}54'18,6''\text{N}$, $107^{\circ}10'58,4''\text{E}$ với điểm CV7 có tọa độ: $16^{\circ}54'01,6''\text{N}$, $107^{\circ}11'10,4''\text{E}$, cách cầu đường bộ Cửa Việt về phía hạ lưu 150m; từ điểm CV1 chạy dọc theo bờ sông Hiếu và đường bờ biển ra đến điểm CV2, từ điểm CV7 chạy dọc theo bờ sông Hiếu và đường bờ biển ra đến điểm CV6.

4. Khu vực Mỹ Thủy với phạm vi:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm MT1, MT2, MT3 và MT4 có tọa độ sau đây:

MT1: $16^{\circ}48'22,6''\text{N}$, $107^{\circ}18'11,4''\text{E}$;

MT2: $16^{\circ}53'05,6''\text{N}$, $107^{\circ}22'12,4''\text{E}$;

MT3: $16^{\circ}49'53,6''\text{N}$, $107^{\circ}26'24,4''\text{E}$;

MT4: $16^{\circ}45'14,6''\text{N}$, $107^{\circ}22'22,4''\text{E}$.

b) Ranh giới về phía đất liền: được giới hạn từ điểm MT1 chạy dọc theo bờ biển về phía Đông Nam bao lấy vùng nước trước bến cảng Mỹ Thủy đến điểm MT4.

5. Ranh giới vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị quy định tại Thông tư này được xác định trên các hải đồ do Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam phát hành, bao gồm: VN50016 ngày 01/12/2015, được cập nhật mới nhất năm 2025; VN50017 ngày 31/5/2024, được cập nhật mới nhất năm 2025; VN50018 ngày 22/02/2024, được cập nhật mới nhất năm 2025; VN30010 ngày 22/12/2015, được cập nhật mới nhất năm 2025. Tọa độ các điểm quy định tại Thông tư này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và được chuyển sang Hệ tọa độ WGS-84 tương ứng tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

III. Bảng chuyển đổi hệ tọa độ các điểm

1. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị tại khu vực Hòn La.

STT	Điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
		Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
1	HL1	$17^{\circ}57'39,1''$	$106^{\circ}30'33,1''$	$17^{\circ}57'35,5''$	$106^{\circ}30'39,7''$
2	HL2	$17^{\circ}57'39,1''$	$106^{\circ}34'10,4''$	$17^{\circ}57'35,5''$	$106^{\circ}34'17,0''$
3	HL3	$17^{\circ}53'03,6''$	$106^{\circ}34'10,4''$	$17^{\circ}53'00,0''$	$106^{\circ}34'17,0''$
4	HL4	$17^{\circ}53'03,6''$	$106^{\circ}27'35,7''$	$17^{\circ}53'00,0''$	$106^{\circ}27'42,3''$

2. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị tại khu vực Cửa Gianh.

STT	Điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
		Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
1	CG1	17°42'55,1"	106°26'34,9"	17°42'51,5"	106°26'41,5"
2	CG2	17°44'03,6"	106°28'27,4"	17°44'00,0"	106°28'34,0"
3	CG3	17°44'03,6"	106°34'10,4"	17°44'00,0"	106°34'17,0"
4	CG4	17°40'03,6"	106°34'10,4"	17°40'00,0"	106°34'17,0"
5	CG5	17°40'03,6"	106°30'31,4"	17°40'00,0"	106°30'38,0"
6	CG6	17°42'37,6"	106°26'28,2"	17°42'34,0"	106°26'34,8"

3. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị tại khu vực Cửa Việt.

STT	Tên điểm	Tọa độ VN-2000		Tọa độ WGS-84	
		Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
1	CV1	16°54'18,6"	107°10'58,4"	16°54'15,0"	107°11'05,0"
2	CV2	16°55'01,6"	107°10'59,4"	16°54'58,0"	107°11'06,0"
3	CV3	16°56'24,6"	107°10'59,4"	16°56'21,0"	107°11'06,0"
4	CV4	16°56'24,6"	107°13'53,4"	16°56'21,0"	107°14'00,0"
5	CV5	16°53'39,6"	107°13'53,4"	16°53'36,0"	107°14'00,0"
6	CV6	16°53'39,6"	107°12'22,4"	16°53'36,0"	107°12'29,0"
7	CV7	16°54'01,6"	107°11'10,4"	16°53'58,0"	107°11'17,0"

4. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị tại khu vực Mỹ Thủy.

STT	Tên điểm	Tọa độ VN-2000		Tọa độ WGS-84	
		Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
1	MT1	16°48'22,6"	107°18'11,4"	16°48'19,0"	107°18'18,0"
2	MT2	16°53'05,6"	107°22'12,4"	16°53'02,0"	107°22'19,0"
3	MT3	16°49'53,6"	107°26'24,4"	16°49'50,0"	107°26'31,0"
4	MT4	16°45'14,6"	107°22'22,4"	16°45'11,0"	107°22'29,0"

**D. THÔNG TIN VÙNG ĐÓN TRẢ HOA TIÊU, KIỂM DỊCH VÀ VỊ TRÍ
NEO ĐẬU KẾT HỢP TRÁNH TRÚ BẢO CHO TÀU THUYỀN TRONG
VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN QUẢNG TRỊ**

I. Khu vực Hòn La

1. Vùng đón trả hoa tiêu Hòn La là hình quạt tròn được giới hạn từ góc phương vị 45° đến 225°, với bán kính 1 hải lý và tâm là vị trí điểm HT1 có tọa độ:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
17°54'55.0"	106°31'47.0"	17°54'51.4"	106°31'53.7"

2. Luồng hàng hải Hòn La:

TT	Tên báo hiệu	Đặc tính được công bố TBHH	Ghi chú
1	P0	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí: Đặt tại đầu luồng - Tọa độ địa lý: + VN-2000: 17°54'55.7"N; 106°31'47.6"E + WGS-84: 17°54'52.1"N; 106°31'54.2"E - Tác dụng: Báo hiệu vùng nước an toàn, tàu thuyền có thể hành trình xung quanh vị trí đặt báo hiệu a. Đặc tính nhận biết ban ngày: <ul style="list-style-type: none"> - Hình dạng: Hình tháp lưới; - Màu sắc: Sọc thẳng đứng màu trắng và đỏ xen kẽ; - Dấu hiệu đỉnh: Một hình cầu màu đỏ; - Số hiệu: Số 0 màu đen; - Chiều cao toàn bộ: 5,9m tính đến mặt nước; - Tầm hiệu lực ban ngày: 1,9 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển T=0,74 b. Đặc tính nhận biết ban đêm: <ul style="list-style-type: none"> - Đặc tính ánh sáng: Ánh sáng trắng, chớp theo ký hiệu mã Morse chữ "A", chu kỳ 6 giây; - Phạm vi chiếu sáng: 360°; - Chiều cao tâm sáng: 5,0m tính đến mặt nước; - Tầm hiệu lực ánh sáng: 3,0 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển T=0,74. 	
2	P1	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí: Nằm biên phải luồng - Tọa độ địa lý: + VN-2000: 17°56'09.5"N; 106°31'04.3"E 	

TT	Tên báo hiệu	Đặc tính được công bố TBHH	Ghi chú
		<p>+ WGS-84: 17°56'05.9"N; 106°31'11.0"E</p> <p>- Tác dụng: Báo hiệu giới hạn luồng về phía phải, tàu thuyền được phép hành trình ở phía trái của báo hiệu</p> <p>a. Đặc tính nhận biết ban ngày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình dạng: Hình tháp lười; - Màu sắc: Màu xanh lục; - Dấu hiệu đỉnh: Một hình nón màu xanh lục, đỉnh hướng lên trên; - Số hiệu: Số 1 màu trắng - Chiều cao toàn bộ: 5,5m tính đến mặt nước; - Tầm hiệu lực ban ngày: 1,8HL với hệ số truyền quang của khí quyển T=0,74 <p>b. Đặc tính nhận biết ban đêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc tính ánh sáng: Ánh sáng xanh lục, chớp đơn, chu kỳ 3,0 giây - Phạm vi chiếu sáng: 360°; - Chiều cao tâm sáng: 4,6m tính đến mặt nước; - Tầm hiệu lực ánh sáng: 3HL với hệ số truyền quang của khí quyển T=0,74 	
3	P2	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí: Nằm biên trái luồng - Tọa độ địa lý: + VN-2000: 17°55'41.7"N; 106°31'15.4"E + WGS-84: 17°55'38.0"N; 106°31'22.0"E <p>- Tác dụng: Báo hiệu giới hạn luồng về phía trái, tàu thuyền được phép hành trình ở phía phải của báo hiệu.</p> <p>a. Đặc tính nhận biết ban ngày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình dạng: Hình tháp lười; - Màu sắc: Màu đỏ; - Dấu hiệu đỉnh: Một hình trụ màu đỏ; - Số hiệu: Số 2 màu trắng; - Chiều cao toàn bộ: 5,5m tính đến mặt nước; - Tầm hiệu lực ban ngày: 1,8HL với hệ số truyền quang của khí quyển T=0,74 <p>b. Đặc tính nhận biết ban đêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc tính ánh sáng: Ánh sáng đỏ, chớp đơn, chu kỳ 3,0 giây - Phạm vi chiếu sáng: 360°; - Chiều cao tâm sáng: 4,6m tính đến mặt nước; - Tầm hiệu lực ánh sáng: 3HL với hệ số truyền quang của khí quyển T=0,74 	

TT	Tên báo hiệu	Đặc tính được công bố TBHH	Ghi chú
4	P4	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí: Nằm biên trái luồng - Tọa độ địa lý: + VN-2000: 17°56'07.2"N; 106°30'59.3"E + WGS-84: 17°56'03.6"N; 106°31'05.9"E - Tác dụng: Báo hiệu giới hạn luồng về phía trái, tàu thuyền được phép hành trình ở phía phải của báo hiệu. a. Đặc tính nhận biết ban ngày: <ul style="list-style-type: none"> - Hình dạng: Hình tháp lưới; - Màu sắc: Màu đỏ; - Dấu hiệu đỉnh: Một hình trụ màu đỏ; - Số hiệu: Số 4 màu trắng; - Chiều cao toàn bộ: 5,5m tính đến mặt nước; - Tầm hiệu lực ban ngày: 1,8HL với hệ số truyền quang của khí quyển T=0,74 b. Đặc tính nhận biết ban đêm: <ul style="list-style-type: none"> - Đặc tính ánh sáng: Ánh sáng đỏ, chớp đơn, chu kỳ 3,0 giây - Phạm vi chiếu sáng: 360°; - Chiều cao tâm sáng: 4,6m tính đến mặt nước; - Tầm hiệu lực ánh sáng: 3HL với hệ số truyền quang của khí quyển T=0,74 	
5	P6	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí: Nằm biên trái luồng - Tọa độ địa lý: + VN-2000: 17°56'17.3"N; 106°30'53.0"E + WGS-84: 17°56'13.7"N; 106°30'59.7"E - Tác dụng: Báo hiệu giới hạn luồng về phía trái, tàu thuyền được phép hành trình ở phía phải của báo hiệu. a. Đặc tính nhận biết ban ngày: <ul style="list-style-type: none"> - Hình dạng: Hình tháp lưới; - Màu sắc: Màu đỏ; - Dấu hiệu đỉnh: Một hình trụ màu đỏ; - Số hiệu: Số 6 màu trắng; - Chiều cao toàn bộ: 5,5m tính đến mặt nước; - Tầm hiệu lực ban ngày: 1,8HL với hệ số truyền quang của khí quyển T=0,74 b. Đặc tính nhận biết ban đêm: <ul style="list-style-type: none"> - Đặc tính ánh sáng: Ánh sáng đỏ, chớp đơn, chu kỳ 3,0 giây - Phạm vi chiếu sáng: 360°; - Chiều cao tâm sáng: 4,6m tính đến mặt nước; 	

TT	Tên báo hiệu	Đặc tính được công bố TBHH	Ghi chú
		- Tâm hiệu lực ánh sáng: 2,5HL với hệ số truyền quang của khí quyển T=0,74	

II. Khu vực Cửa Gianh

1. Vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch Cửa Gianh là hình quạt tròn được giới hạn từ góc 0° đến góc 165° với bán kính 01 hải lý, với tâm có tọa độ như sau:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
17°42'27.0"	106°30'30.0"	17°42'23.4"	106°30'36.7"

2. Luồng hàng hải Cửa Gianh:

STT	Tên luồng, tên báo hiệu	Vị trí (Theo hệ tọa độ WGS 84)		Màu sắc	Đặc tính ánh sáng	Ghi chú
		Vĩ độ	Kinh độ			
1	Phao 0	17°43'08,6"	106°30'42,9"	Sọc thẳng đứng, màu trắng đỏ xen kẽ	Mo(A)W.6s	
2	Phao 1	17°42'42,3"	106°30'07,4"	Màu xanh lục	Fl.G.3s	
3	Phao 2	17°42'38,9"	106°30'10,1"	Màu đỏ	Fl.R.3s	
4	Phao 3	17°42'25,6"	106°29'43,3"	Màu xanh lục	Fl.G.3s	
5	Phao 4	17°42'22,5"	106°29'45,7"	Màu đỏ	Fl.R.3s	
6	Phao 5	17°42'16,7"	106°29'23,4"	Màu xanh lục	Fl.G.3s	
7	Phao 6	17°42'13,3"	106°29'25,2"	Màu đỏ	Fl.R.3s	
8	Phao 7	17°42'16,7"	106°28'46,7"	Màu xanh lục	Fl.G.3s	
9	Phao 8	17°42'09,8"	106°29'01,0"	Màu đỏ	Fl.R.3s	
10	Phao 9	17°42'23,4"	106°28'18,9"	Màu xanh lục	Fl.G.3s	

III. Khu vực Cửa Việt

1. Vùng đón trả hoa tiêu và vùng kiểm dịch Cửa Việt: Được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý, tâm tại vị trí có tọa độ:

Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
16 ⁰ 55'51.6"	107 ⁰ 13'11.4"	16 ⁰ 55'48"	107 ⁰ 13'18"

2. Luồng Hàng hải Cửa Việt:

a) Luồng hàng hải Cửa Việt có các điểm đặc trưng tìm tuyến luồng có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
T1	16°55'08.1"	107°12'03.6"	16°55'04.5"	107°12'10.2"	Điểm đầu luồng
T2	16°54'40.8"	107°11'42.6"	16°54'37.1"	107°11'49.2"	Tìm luồng ngang phao số 3, 4
T3	16°54'22.7"	107°11'25.8"	16°54'19.0"	107°11'32.4"	Tìm luồng tại điểm đầu đoạn cong, thượng lưu phao số 5, 6 khoảng 70m
T4	16°54'19.5"	107°11'21.5"	16°54'15.8"	107°11'28.1"	Tìm luồng tại điểm cuối đoạn cong, thượng lưu phao số 5, 6 khoảng 240m
T5	16°54'18.5"	107°11'19.5"	16°54'14.8"	107°11'26.1"	Tìm luồng tại vị trí tiếp giáp với biên vùng quay tàu

b) Hướng tuyến:

STT	Đoạn luồng	Hướng tuyến
1	Từ phao số 0 đến cặp phao số 3, 4	216°09' - 36°09'
2	Từ cặp phao số 3, 4 đến thượng lưu cặp phao số 5, 6 khoảng 70m	221°35' - 41°35'
3	Từ thượng lưu cặp phao số 5, 6 khoảng 70m đến thượng lưu cặp phao số 5, 6 khoảng 240m	242°02' - 62°02'
4	Từ thượng lưu cặp phao số 5, 6 khoảng 240m đến vùng quay tàu	242°02' - 62°02'

3. Hệ thống phao tiêu báo hiệu luồng hàng hải Cửa Việt:

Tên báo hiệu	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)

Phao số 0	16°55'09.3"	107°12'04.4"	16°55'05.7"	107°12'11.1"
Phao S	16°54'52.9"	107°11'50.0"	16°54'49.2"	107°11'56.6"
Phao số 2	16°54'51.6"	107°11'53.0"	16°54'48.0"	107°11'59.6"
Phao số 3	16°54'41.8"	107°11'41.2"	16°54'38.1"	107°11'47.8"
Phao số 4	16°54'39.7"	107°11'43.9"	16°54'36.1"	107°11'50.5"
Phao số 5	16°54'25.6"	107°11'26.2"	16°54'21.9"	107°11'32.8"
Phao số 6	16°54'23.4"	107°11'28.7"	16°54'19.7"	107°11'35.3"
Phao số 8	16°54'10.9"	107°11'07.8"	16°54'07.2"	107°11'14.5"

4. Hệ thống đèn chướng ngại hàng hải Cửa Việt:

a) Đăng tiêu báo hiệu đầu đèn phía Bắc luồng hàng hải Cửa Việt: Phao S thay thế cho đăng tiêu đầu đèn phía Bắc:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
16°54'52.9"	107°11'50.0"	16°54'49.2"	107°11'56.6"

b) Đăng tiêu báo hiệu đầu đèn phía Nam luồng hàng hải Cửa Việt:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
16°54'39.0"	107°12'01.8"	16°54'35.4"	107°12'08.6"

5. Đèn biển Cửa Việt:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
16°54'10.6"	107°11'23.7"	16°54'07.0"	107°11'30.4"

IV. Khu vực đảo Cồn Cỏ:

1. Đăng tiêu đầu đèn phía Bắc đèn chướng ngại hàng hải đảo Cồn Cỏ:

Tên báo hiệu	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
S	17°09'18.5"	107°19'51.0"	17°09'14.9"	107°19'57.6"

2. Đăng tiêu đầu đèn phía Nam đèn chướng ngại hàng hải đảo Cồn Cỏ:

Tên báo hiệu	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)

N	17°09'16.3"	107°19'51.9"	17°09'12.6"	107°19'58.5"
---	-------------	--------------	-------------	--------------

Phụ lục II

Thông tin cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển Quảng Trị

(Kèm theo Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị)

1. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hàng hải tại cảng biển Quảng Trị, trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo và vùng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị là Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị:

a) Trụ sở chính Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị:

- Địa chỉ: Xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị
- Điện thoại: 0233.3824.292
- Thư điện tử: cangvuhanghaiquangtri@gmail.com
- Cổng thông tin điện tử: <http://cangvuhanghaiquangtri.gov.vn/>

b) Đại diện Hòn La:

- Địa chỉ: Xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị
- Điện thoại: 0232.3599.070
- Thư điện tử: daidienhonla2025@gmail.com

c) Đại diện Cửa Gianh:

- Địa chỉ: Xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị
- Điện thoại: 0232.3866 216
- Thư điện tử: cvcuagianh@gmail.com

d) Đại diện Cồn Cỏ:

- Địa chỉ: Đặc khu Cồn Cỏ, tỉnh Quảng Trị
- Điện thoại: 0233.3689.242
- Thư điện tử: daidienconco@gmail.com

2. Các cơ quan quản lý chuyên ngành tại cảng biển:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về an ninh, trật tự:

Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Trị là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an ninh trật tự, biên giới quốc gia trên đất liền, hải đảo, vùng biển và tại các cửa khẩu:

- Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị
- Số điện thoại: 0396.321.585
- Cổng thông tin điện tử: <http://bienphongquangtri.com.vn>

* **Tại Khu bến cảng Hòn La:** Trạm Biên phòng cửa khẩu Hòn La:

Địa chỉ: Xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị.

* **Tại Khu bến cảng Cửa Gianh:** Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Gianh:

Địa chỉ: Phường Bắc Gianh, tỉnh Quảng Trị.

* **Tại Khu bến cảng Cửa Việt:** Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Cửa Việt:

Địa chỉ: Xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị.

* **Tại Đảo Cồn Cỏ:** Đồn Biên phòng Cồn Cỏ

- Địa chỉ: Huyện đảo Cồn Cỏ, tỉnh Quảng Trị;

- Số điện thoại: 0233.3689.214

b) Cơ quan quản lý nhà nước về hải quan:

Chi cục Hải quan khu vực IX là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hải quan tại cảng biển Quảng Trị:

- Địa chỉ: Số 139 Phạm Văn Đồng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị

- Số điện thoại: 0232.3822.566

- Cổng thông tin điện tử: <https://kv09.customs.gov.vn/>

* **Tại Khu bến cảng Hòn La:** Hải quan cửa khẩu cảng Hòn La

- Địa chỉ: Xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị

- Điện thoại, fax: 0232.3599.043

- Email: honlacustoms@customs.gov.vn

* **Tại Khu bến cảng Cửa Gianh:** Hải quan cửa khẩu cảng Hòn La

- Địa chỉ: Xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị

- Điện thoại, fax: 0232.3599.043

- Email: honlacustoms@customs.gov.vn

* **Tại Khu bến cảng Cửa Việt:** Hải quan cửa khẩu cảng Cửa Việt

- Địa chỉ: Xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị

- Điện thoại: 0233.3.824.325

- Email: cuaviet@customs.gov.vn

c) Cơ quan quản lý nhà nước về kiểm dịch y tế:

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kiểm dịch y tế tại cảng biển Quảng Trị.

- Địa chỉ: Số 164 Bà Triệu, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;

- Số điện thoại: 0232.3889.993;

- Thư điện tử: khoattgds.kcdcqb@gmail.com

- Cổng thông tin điện tử: <http://cdcquangtri.vn/>

* **Tại Khu bến cảng Hòn La:** Trạm kiểm dịch y tế quốc tế Hòn La:

Địa chỉ: Xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị.

* **Tại Khu bến cảng Cửa Gianh:** Trạm kiểm dịch y tế Cửa Gianh:

Địa chỉ: Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

* **Tại Khu bến cảng Cửa Việt:** Trạm kiểm dịch y tế Cửa Việt:

Địa chỉ: Xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị.

3. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động hàng hải tại cảng biển Quảng Trị:

a) Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2:

- Địa chỉ: Xã Núi Thành, tỉnh Quảng Nam;

- Số điện thoại: 069.697.501 hoặc 0235.3550.442

* Hải đội 202: Xã Nam Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị.

b) Trung tâm Phối hợp Tìm kiếm cứu nạn hàng hải Khu vực II:

- Địa chỉ: Đường Trường Sa, phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng;

- Số điện thoại: 0236.3924.953;

- Thư điện tử: phcn2.mrcc@gmail.com

c) Đài Thông tin Duyên hải Cửa Việt:

Địa chỉ: Thôn Phú Hội, xã Nam Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị

d) Đài Thông tin Duyên hải Hòn La:

Địa chỉ: Xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị

đ) Phòng Cảnh sát chữa cháy và Cứu hộ cứu nạn - Công an tỉnh Quảng Trị:

- Địa chỉ: Số 86 Hữu Nghị, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

- Số điện thoại tiếp nhận: 0232 3.823.427

e) Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN tỉnh Quảng Trị:

Địa chỉ: Số 11 Hữu Nghị, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị

e) Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Trung:

- Địa chỉ: 96 Yết Kiêu, phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng;

- Số điện thoại: 0236.3929.567;

- Thư điện tử: info@songthu.com.vn

g) Trung tâm Khí tượng Thủy văn tỉnh Quảng Trị:

- Địa chỉ: Khu phố 8, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị;
- Số điện thoại: 0233.3851.334;
- Thư điện tử: kttvquangtri@gmail.com

h) Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam:

- Địa chỉ: Số 01 Lô 11A Đường Lê Hồng Phong, phường Hải An, TP. Hải Phòng;
- Số điện thoại: 0225.3550.517;
- Thư điện tử: vmsc-office@vmsa.vn
- Cổng thông tin điện tử: <https://vmsa.vn/>

i) Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc – Hoa tiêu VI:

- Địa chỉ: Số 41 Đinh Công Trứ, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An;
- Số điện thoại: 0238.3520.309;
- Thư điện tử: congyhoatieukv6@gmail.com
- Cổng thông tin điện tử: <http://www.pilotco6.com/>